

Bản án số: 10/2019/DSST

Ngày: 10/01/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản
và đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: **Lê Văn Đường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Lê Thị Tý**

2. Bà: **Bùi Diệu Huệ**

- Thư ký phiên tòa: Ông: **Trương Công Vũ**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông: **Trần Tuấn Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại: Trụ sở - Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 174/2017/TLST - DS ngày 25 tháng 4 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản và đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 575/2018/QĐXX - ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 575/2018/QĐST - DS ngày 11 tháng 12 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Đ

Địa chỉ: đường Đ, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (theo giấy ủy quyền ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Đ): Ông: **Hà Văn Q**, sinh năm: 1993, địa chỉ: Đường A, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông: **Đàm Bảo H** - Luật sư - Văn phòng Luật sư Đàm Bảo H - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Bị đơn: Ông: **Trần Văn T**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Đường L, Khu phố M, phường Đ, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập): Ông: **Huỳnh Quốc T**, sinh năm: 1982, địa chỉ: đường H, Phường K, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 25 tháng 10 năm 2016, ông Huỳnh Quốc T cho Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) thuê xe Ô tô hiệu C, biển số: M với giá 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng)/01 (một) tháng, thời hạn thuê là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày 25 tháng 10 năm 2016.

Đến ngày 07 tháng 11 năm 2016, Công ty Đ cho ông Trần Văn T thuê lại với giá 11.500.000 đồng (mười một triệu năm trăm ngàn đồng)/01 (một) tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Thực hiện hợp đồng thuê xe như đã nêu trên, ông Trần Văn T, đã đặt cọc cho Công ty Đ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), thanh toán tiền thuê xe 02 (hai) tháng và thuế giá trị gia tăng là 25.300.000 đồng (hai mươi lăm triệu ba trăm ngàn đồng). Sau đó không toán tiếp nên đã phát sinh tranh chấp.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Hà Văn Q giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn T trả cho Công ty Đ tiền thuê xe tính từ ngày 07 tháng 02 năm 2017 đến ngày 07 tháng 01 năm 2019 là 23 (hai mươi ba) tháng x 12.150.000 đồng (mười hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng)/01 (một) tháng = 279.450.000 (hai trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, ông Hà Văn Q còn yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn T trả cho Công ty Đ xe Ô tô như đã nêu trên để Công ty Đ trả cho ông Huỳnh Quốc T.

Ông Huỳnh Quốc T giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc ông Công ty Đ trả cho ông xe Ô tô hiệu C, biển số: M.

Ông Đàm Bảo Hoàng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

1.1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: Thụ lý và giải quyết vụ kiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

1.3. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 73 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn vắng mặt, không tuân theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 73 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ Hợp đồng thuê xe số: 03/2015 - HĐTX ngày 07 tháng 11 năm 2016 giữa ông Trần Văn T và Công ty Đ thể hiện Công ty Đ đã cho ông Trần Văn T thuê xe Ô tô hiệu C, biển số: M, giá thuê 11.500.000 đồng/01 (một) tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), thời hạn thuê kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2016 đến khi trả xe. Việc các bên ký hợp đồng là tự nguyện, theo đúng quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên kể từ thời điểm giao kết. Quá trình thực hiện hợp đồng, cho đến nay ông Trần Văn T mới thanh toán được hai tháng tiền thuê xe là 25.300.000 đồng (hai mươi lăm triệu ba trăm ngàn đồng). Như vậy, ông Trần Văn T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 3.2 Điều 3 Hợp đồng thuê xe giữa các bên và Điều 481 của Bộ luật dân sự 2015.

Ông Trần Văn T cũng đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều không có mặt nên phải chịu các hậu quả pháp lý bất lợi (nếu có) do việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Do đó, việc Công ty Đ khởi kiện yêu C, biển số: M và tiền thuê xe từ ngày 07 tháng 02 năm 2017 đến ngày 07 tháng 01 năm 2019 là phù hợp với các quy định tại Điều 481 và Điều 482 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

2.2. Đối với yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Quốc T: Căn cứ Hợp đồng thuê xe số: 01/2016 ngày 25 tháng 10 năm 2016 thể hiện ông Huỳnh Quốc T cho Công ty Đ thuê xe Ô tô hiệu C, biển số: M, thời hạn thuê là 12 (mười hai) tháng. Nay đã hết thời hạn thuê, nhưng Công ty Đ vẫn chưa trả tài sản thuê cho ông Huỳnh Quốc T là do Công ty Đ cho ông Trần Văn T thuê và ông Tuấn chưa trả xe cho Công ty Đ. Do vậy, việc ông Trung khởi kiện yêu cầu Công ty Đ trả cho ông xe Ô tô hiệu C, biển số: M là phù hợp với quy định tại Điều 482 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Từ phân tích trên, căn cứ vào các Điều 472, Điều 481 và Điều 482 của Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Hà Văn Q, là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng bị đơn (ông Trần Văn T) đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền thuê và trả tài sản thuê nên đã yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn T thực hiện nghĩa vụ trả tiền thuê và trả tài sản thuê. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản và đòi tài sản” (tranh chấp hợp đồng dân sự) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (ông Trần Văn T) cư trú tại quận Bình Tân. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu và quan hệ pháp luật tranh chấp đã được xác định như đã nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Ông Trần Văn T không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Ông Huỳnh Quốc T vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, điểm b và d khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có tên trên.

[2]. Về pháp luật nội dung:

2.1. Xét yêu cầu buộc ông Trần Văn T trả cho Công ty Đ tiền thuê xe từ ngày 07 tháng 02 năm 2017 đến ngày 07 tháng 01 năm 2019 và tiền thuê giá trị gia tăng tổng cộng là 279.450.000 đồng (hai trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) và trả cho Công ty Đ tài sản thuê là xe Ô tô hiệu C, biển số: M để Công ty Đ trả cho ông Huỳnh Quốc T của ông Hà Văn Q. Hội đồng xét xử xét thấy ngoài lời trình bày, ông Hà Văn Q còn cung cấp tài liệu là bản chính và bản sao các hợp đồng thuê xe như đã nêu trên và các tài liệu, chứng cứ liên quan hợp đồng thuê xe để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp. Ngược lại, ông Trần Văn T không phản đối về những tình tiết, sự kiện mà ông Hà Văn Q đã đưa ra như đã nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình thực hiện hợp đồng thuê tài sản, ông Trần Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền thuê và trả tài sản thuê theo quy định tại Điều 481 và Điều 482 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì vậy, với yêu cầu buộc ông Trần Văn T trả cho Công ty Đ tiền thuê xe là 279.450.000 đồng (hai trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) và tài sản thuê là xe Ô tô hiệu C, biển số: M để Công ty Đ trả cho

ông Huỳnh Quốc T. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ, phù hợp với các quy định tại Điều 481 và Điều 482 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Ngoài các yêu cầu như đã nêu trên, Công ty Đ không có yêu cầu bổ sung nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp có yêu cầu sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

2.2. Xét yêu cầu buộc Công ty Đ trả tài sản thuê là xe Ô tô hiệu C, biển số: M của ông Huỳnh Quốc T. Hội đồng xét xử xét thấy ngoài lời trình bày, ông Huỳnh Quốc T còn cung cấp tài liệu là bản sao hợp đồng thuê xe như đã nêu trên và các tài liệu, chứng cứ liên quan hợp đồng thuê xe để chứng minh cho yêu cầu của ông là có căn cứ, hợp pháp và đã được ông Hà Văn Q thừa nhận là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình thực hiện hợp đồng thuê tài sản, Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả tài sản thuê theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì vậy, với yêu cầu buộc Công ty Đ trả tài sản thuê là xe Ô tô hiệu C, biển số: M của ông Huỳnh Quốc T. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 482 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Ngoài yêu cầu như đã nêu trên, ông Huỳnh Quốc T không có yêu cầu bổ sung nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp có yêu cầu sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Ông Huỳnh Quốc T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24 và khoản 6 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Công ty Đ và ông Trần Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24 và khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự và người đại diện hợp pháp của đương sự được quyền kháng cáo theo quy định theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 6; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 73;

Điều 75; Điều 76; Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 97; khoản 1 Điều 147; khoản 1, điểm b và d khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 233, Điều 236; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 472; Điều 481; Điều 482 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Điều 24 và Điều 26 của của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Đ về việc buộc ông Trần Văn T trả tiền thuê và trả tài sản thuê.

1.1. Buộc ông Trần Văn T trả cho Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Đ tiền thuê xe từ ngày 07 tháng 02 năm 2017 đến ngày 07 tháng 01 năm 2019 và tiền thuế giá trị gia tăng tổng cộng là 279.450.000 đồng (hai trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) và xe Ô tô hiệu C, biển số: M. Trả một lần tại thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Văn T chưa trả cho Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Đ số tiền như đã nêu trên, thì hàng tháng ông Tuấn còn phải trả thêm cho Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Đ tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Quốc T về việc buộc Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Đ trả tài sản thuê.

2.1. Buộc Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Đ trả cho ông Huỳnh Quốc T xe Ô tô hiệu C, biển số: M tại thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Về án phí: Ông Trần Văn T phải nộp 14.272.500 đồng (mười bốn triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Đ phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền 950.000 đồng (chín trăm năm mươi ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Đình P đã nộp thay theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000051, ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Đ còn được nhận lại số tiền là 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Trả lại cho ông Huỳnh Quốc T số tiền là 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Đình P đã nộp thay

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000784 ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức thi hành bản án này theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

1.4. Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Đ và ông Hà Văn Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Trần Văn T và ông Huỳnh Quốc T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Tân;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký tên và đóng dấu)

Lê Văn Đường